

NGHỊ QUYẾT X CỦA ĐẢNG VÀ THỰC TIỄN CUỘC SỐNG

THỰC TIỄN VÀ SÁNG TẠO TRONG ĐỔI MỚI THỂ CHẾ KINH TẾ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN THỨC (*)

Một trong những thành tựu nổi bật sau hơn 20 năm đổi mới ở Việt Nam là sự chuyển đổi thành công thể chế kinh tế. Để làm rõ thành công trên phương diện thực tiễn và sáng tạo lý luận, trong bài viết này, tác giả đã tập trung luận giải: 1. Lý luận về kinh tế thị trường và thể chế kinh tế thị trường; 2. Những đổi mới trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; 3. Thực tiễn quá trình đổi mới thể chế kinh tế.

Sau hơn 20 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Việt Nam đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây chính là một trong những thành tựu nổi bật của công cuộc đổi mới của Việt Nam. Thành tựu nổi bật này được biểu hiện cụ thể ở các điểm sau:

Thứ nhất, nhận thức lý luận và tư duy kinh tế đã có bước đổi mới, được vận dụng vào xây dựng đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam. Đường lối đổi mới này đã được thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật, tạo ra hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển.

Thứ hai, chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế đã được đổi mới một cách căn bản với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen, hỗn hợp, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của

đất nước.

Thứ ba, các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã đi vào cuộc sống, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, doanh nhân được tự chủ kinh doanh, tự do cạnh tranh lành mạnh để phát triển.

Thứ tư, vai trò, chức năng quản lý nhà nước về kinh tế đã được đổi mới, từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh chuyển sang quản lý bằng pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

Thứ năm, luôn gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, như thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, xóa đói, giảm nghèo,... một cách tích cực.

Những nội dung trên là đánh giá

(*) Tiến sĩ, Trưởng phòng Tổ chức, đào tạo và quản lý khoa học, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

chính thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tình hình chuyển đổi cơ chế kinh tế và xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hơn 20 năm qua tại Hội nghị Trung ương 6, khóa X của Đảng Cộng sản Việt Nam(1).

Để góp phần làm rõ hơn thực tiễn và sáng tạo của đổi mới thể chế kinh tế Việt Nam, trong bài viết này, chúng tôi tập trung trình bày ba nội dung chính: Một số vấn đề lý luận về kinh tế thị trường và thể chế kinh tế thị trường; những đổi mới trong nhận thức về xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; thực tiễn đổi mới thể chế kinh tế.

1. Một số vấn đề lý luận về kinh tế thị trường và thể chế kinh tế thị trường

1.1. *Thể chế và thể chế kinh tế*

Quan niệm về thể chế nói chung và thể chế kinh tế nói riêng rất phong phú và được phát triển dựa trên nhiều tư tưởng, nhiều học thuyết, trải qua nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau và cho đến nay, vẫn đang được tiếp tục hoàn thiện. Qua khảo sát các kết quả nghiên cứu về thể chế, chúng ta thấy, tuy có sự khác biệt trong quan niệm và thể chế giữa các tác giả qua các thời kỳ khác nhau, song các khái niệm về thể chế cũng có một số điểm chung thống nhất, đó là: *Thể chế* là luật chơi (bao gồm chính thức và không chính thức), là cơ chế thực thi và tổ chức.

Theo quan niệm triết học, *thể chế* là một phạm trù lịch sử và là một quan hệ xã hội thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội. Vì vậy, thể chế là phạm trù của hoạt động xã hội của con người; là khái niệm chỉ một cách thức xã hội xác lập khuôn khổ, trật tự mà trong đó, diễn ra các quan hệ của con người với cơ chế, quy chế, quy tắc, luật lệ vận hành của trật tự xã hội đó. Nói cách khác, *thể chế* là những luật lệ, quy tắc, bộ

máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh hoạt động của con người.

Xã hội có nhiều loại thể chế. Các loại thể chế này được phân chia theo những cách thức khác nhau, phụ thuộc vào cơ quan, tổ chức và cấp ban hành; mức độ hợp thức hóa, lĩnh vực hoạt động; tính chất hợp lý... *Thể chế kinh tế* là những quy tắc, luật lệ, bộ máy quản lý và cơ chế vận hành nhằm điều chỉnh trong lĩnh vực kinh tế. Với nghĩa chung nhất, *thể chế kinh tế thị trường* bao gồm: *Một là*, thị trường là lực lượng, là phương thức chủ yếu trong việc phân phối, bố trí tài nguyên để giải quyết ba vấn đề cơ bản của đời sống kinh tế: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai? *Hai là*, doanh nghiệp, doanh nhân là chủ thể của thị trường. *Ba là*, sự điều hành vĩ mô của nhà nước. Nói cách khác, *thể chế kinh tế thị trường* là thể chế của lĩnh vực hoạt động kinh tế diễn ra trong hệ thống thị trường.

1.2. *Kinh tế thị trường*

Xét về cách thức tổ chức, *kinh tế thị trường* là kiểu tổ chức kinh tế dựa trên cơ sở đa dạng hóa các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các tổ chức sản xuất, kinh doanh. Theo đó, trong nền kinh tế thị trường, các quan hệ kinh tế được thực hiện như sau: *Một là*, quyền tự do kinh doanh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được tôn trọng. *Hai là*, các yếu tố sản xuất và sản phẩm đều trở thành hàng hóa, được lưu thông tự do trên thị trường. *Ba là*, hệ thống thị trường là yếu tố trực tiếp tác động, điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp, các chủ thể kinh tế, là cơ sở cho sự phân bổ các nguồn lực kinh tế của xã hội.

(1) Xem: Ban Tuyên giáo Trung ương. *Các nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, khóa X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.62, 63.

Xét về bản chất, kinh tế thị trường là hệ kinh tế được xác lập và vận động trên nền tảng của quan hệ giá trị. Nói cách khác, quan hệ giá trị là quan hệ cơ bản của kinh tế thị trường. Trong kinh tế thị trường, như C.Mác đã phân tích, “trong những xã hội do phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chi phối thì của cải biểu hiện ra là một “đồng hàng hóa khổng lồ”, còn từng hàng hóa một thì biểu hiện ra là hình thái nguyên tố của của cải ấy”(2). Theo đó, có thể nói, hình thái tế bào, hay nguyên tố của của cải mà trong đó kết tinh các thực thể xã hội là giá trị và do vậy, giá trị mới là cái bản chất của của cải trong nền kinh tế thị trường. Vì vậy, kinh tế thị trường là nền kinh tế có nền tảng là nền sản xuất hàng hóa, sản xuất ra giá trị và sự vận động, phát triển của kinh tế chính là sự vận động, phát triển của giá trị.

1.3. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Lịch sử tồn tại và phát triển của nhân loại đã từng tồn tại nhiều mô hình kinh tế khác nhau. Mỗi mô hình là sản phẩm của sự phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và trình độ nhận thức nhất định trong những điều kiện lịch sử - cụ thể. Trong điều kiện lịch sử - cụ thể hiện nay, nền kinh tế thị trường mà Việt Nam đang thực hiện và tiếp tục hoàn thiện là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là nền kinh tế mà trong đó, các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành kinh tế thị trường được tự giác tạo lập và sử dụng để giải phóng triệt để sức sản xuất, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nền kinh tế này, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh

tế của chủ nghĩa xã hội và các yếu tố bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa, với những đặc trưng sau: *Một là*, mục tiêu phát triển là vì “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người dân làm giàu chính đáng, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. *Hai là*, phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. *Ba là*, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. *Bốn là*, thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn, đóng góp các nguồn lực khác thông qua phúc lợi xã hội. *Năm là*, phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. *Sáu là*, xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với kinh tế thế giới và khu vực, thị trường trong nước gắn liền với thị trường thế giới, thực hiện những cam kết đã được xác định là thông lệ trong quan hệ kinh tế quốc tế, nhưng vẫn giữ độc lập, chủ quyền và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

1.4. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội

Thể chế kinh tế mà Việt Nam đang

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.23. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.61.

thực hiện và tiếp tục hoàn thiện là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, các quy định, quy tắc chế định, điều tiết hành vi của mọi chủ thể, mọi quá trình sản xuất, lưu thông diễn ra trong nền kinh tế nhằm tạo điều kiện cho sự hình thành, vận hành thông suốt và phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thể chế này bao gồm các đặc trưng sau: *Một là*, bảo đảm mục tiêu tối thượng của sự phát triển kinh tế là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. *Hai là*, thừa nhận sự tồn tại, phát triển đa dạng và lâu dài của các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, đồng thời khẳng định vai trò chủ sở hữu của Nhà nước đối với đất đai, tài nguyên, tài sản công, các nguồn lực nhà nước đầu tư trong nền kinh tế, bảo đảm kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. *Ba là*, đảm bảo sự phân bổ các nguồn lực cho phát triển kinh tế chủ yếu theo nguyên tắc thị trường và theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước. *Bốn là*, thực hiện quan hệ phân phối vừa khuyến khích, tạo động lực cho phát triển kinh tế, vừa đảm bảo công bằng xã hội trên từng bước và từng chính sách phát triển. *Năm là*, bảo đảm kết hợp hài hòa cạnh tranh thị trường tự do và lãnh mạnh với vai trò điều tiết kinh tế của Nhà nước thông qua chức năng tổ chức và quản lý vĩ mô, sử dụng tốt các công cụ vĩ mô, các công cụ hành chính, pháp lý và kinh tế.

2. Những đổi mới trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

2.1. Về “mô hình” xã hội chủ nghĩa

Trước đây, “mô hình” xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam cũng như hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa tiến hành xây dựng là xã hội được đối lập hoàn toàn với xã hội tư bản chủ nghĩa. Tất cả những vấn đề tồn tại trong xã hội tư bản, như sở hữu tư nhân, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường... đều không được chấp nhận trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Tính chất, trình độ phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa được quy về tốc độ và quy mô thiết lập sở hữu công cộng và sở hữu tập thể. Nền kinh tế được vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp. Đây là cơ chế kinh tế được hình thành ở Liên Xô trong những năm tiến hành công nghiệp hóa và sau đó, được áp dụng trong tất cả các nước xã hội chủ nghĩa mà kết quả là, vào cuối những năm 70 - đầu những năm 80 của thế kỷ XX, các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam đã lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Từ năm 1986 đến nay, thông qua các kỳ Đại hội (VI, VII, VIII, IX và X), nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan niệm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã được hình thành trên những nét cơ bản. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam xây dựng là một “xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện...; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự

lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới”(3).

Kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, được phát triển tới trình độ cao dưới chủ nghĩa tư bản, nhưng tự bản thân nó không đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản... Sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; “con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện. Kinh tế thị trường hiện đại là phương tiện để tạo dựng chức năng xã hội; là bản chất, mục tiêu và phương tiện để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Đây là đổi mới nhận thức rất căn bản về chủ nghĩa xã hội(4).

2.2. Về con đường “phát triển bỏ qua”

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam trở về trước, Việt Nam chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”. Đến Đại hội VII (1991) và Đại hội VIII (1996), Việt Nam không nói “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” nữa, mà nói tới “bỏ qua chế độ tư bản”. Nhưng, “bỏ qua chế độ tư bản” là bỏ qua cái gì, bỏ qua như thế nào thì trong Văn kiện các Đại hội VII và VIII đều không giải thích. Vấn đề này đã được giải quyết tại Đại hội IX. Văn kiện Đại hội IX không nói “bỏ qua chế độ tư bản”, mà nói “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” với nội dung cụ thể như sau: “Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt

được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp *cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ*”(5). Như vậy, con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam là con đường phải tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất; đồng thời chấp nhận sự tồn tại và phát triển của các quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa ở mức độ nhất định, nhưng không cho phép chúng trở thành các quan hệ thống trị. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa dứt khoát phải trải qua một giai đoạn đặc biệt, lâu dài với nhiều chặng đường có tính chất quá độ mà nội dung của giai đoạn này khác hẳn nội dung của giai đoạn đầu tiên của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Chặng đường đầu tiên mà Việt Nam đang trải qua hiện nay là một giai đoạn lịch sử đặc thù của các nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đây là sự bổ sung, phát triển rất quan

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.68.

(4) Xem: Ban Tuyên giáo Trung ương. *Sđd.*, tr.70.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.84-85.

trọng vào cơ sở lý luận của đường lối đổi mới của Việt Nam, đồng thời cũng chứng tỏ Việt Nam dứt khoát từ bỏ con đường quá độ trực tiếp để chuyển sang thực hiện sự quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội.

2.3. Về cơ chế, chính sách kinh tế

2.3.1. Đổi mới chế độ sở hữu và thành phần kinh tế

Trước Đại hội VI, trong nhận thức cũng như trong hành động thực tế, chế độ sở hữu với nhiều hình thức sở hữu đan xen, hỗn hợp và nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh khác nhau không được thừa nhận. Chế độ sở hữu được quy về hai hình thức chính là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Nền kinh tế chia thành hai bộ phận: kinh tế xã hội chủ nghĩa (gồm quốc doanh và tập thể) và kinh tế phi xã hội chủ nghĩa (gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ). Các hình thức sở hữu toàn dân, tập thể và các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển, còn các hình thức sở hữu và thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa thì không những không có điều kiện phát triển, mà còn bị cải tạo, thu hẹp dần và tiến tới bị thủ tiêu, xóa bỏ. Đến Đại hội VI, quan điểm đó đã được thay đổi một cách căn bản, khi chúng ta xác định rằng: Quá trình từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn ở nước ta là quá trình chuyển nền kinh tế còn nhiều tính chất tự cấp, tự túc thành nền kinh tế hàng hóa. Đây là điểm đột phá trong lý luận về mô hình phát triển. Trước đó, trong các văn kiện chỉ mới nói tới việc sử dụng quan hệ hàng hóa – tiền tệ, thì nay đã khẳng định là chuyển nền kinh tế tự cung, tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Sau này, tại các Đại hội VII, VIII, IX và X, chúng ta đã hoàn

chỉnh quan niệm về các thành phần kinh tế và chế độ sở hữu trong thời kỳ định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là:

- Về chế độ sở hữu, trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân) hình thành nhiều hình thức sở hữu: Sở hữu nhà nước; sở hữu tập thể; sở hữu tư nhân; sở hữu hỗn hợp; sở hữu nước ngoài.

- Nền kinh tế nhiều thành phần là nền kinh tế bao gồm: Kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản, tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế này có các hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng với sự đan xen, hỗn hợp của các loại hình sở hữu. Trên cơ sở đổi mới quan niệm về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, các Đại hội VI, VII, VIII, IX và X đều chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế ấy, như khẳng định của Đại hội X, “các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế”(6).

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.83.

2.3.2. *Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế*

Trước 1986, nền kinh tế Việt Nam được quản lý bằng cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp. Hạn chế của cơ chế này, như Đại hội VI đã nhận xét, là không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông và làm nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Với nhận định này, Đại hội VI đã đề ra phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp với quy luật khách quan và với trình độ phát triển của nền kinh tế(7). Thực chất của cơ chế quản lý nền kinh tế hàng hóa mà Đại hội VI khẳng định là cơ chế kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Sau 10 năm đổi mới (1986 - 1996), Đại hội VIII đã tổng kết và rút ra một số kết luận mới về các mối quan hệ giữa sản xuất hàng hóa và chủ nghĩa xã hội, giữa kế hoạch hóa và thị trường; giữa thị trường của các khu vực trong nước và quốc tế; giữa quyền quản lý của Nhà nước và quyền tự chủ, kinh doanh của doanh nghiệp và lấy đó làm cơ sở cho việc xây dựng cơ chế quản lý mới, làm cơ sở lý luận mới cho việc tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu triệt để xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp, tiếp tục tạo lập đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội IX đã đề ra nhiệm vụ phải xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tạo lập đồng bộ

các yếu tố của thị trường; hoàn chỉnh hệ thống pháp luật về kinh tế để tiếp tục thể chế hóa cương lĩnh, chiến lược và các chủ trương phát triển kinh tế, xã hội đã được thông qua; tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hóa; đổi mới các chính sách tài chính và tiền tệ.

Đại hội X đề ra nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những nội dung chính là: Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường; nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước; phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh; phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh”(8).

Đến tháng 3 năm 2008, tại Hội nghị Trung ương 6 khóa X, Đảng ta đã ban hành một nghị quyết quan trọng về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với tên gọi *“Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”*. Những quan điểm lý luận được tiếp tục đổi mới trong Nghị quyết này là:

- “Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

- Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế

(7) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.62.

(8) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.77-87.

chính trị, xã hội; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường.

- Chủ động, tích cực với quyết tâm chính trị cao, tập trung giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, đồng thời phải có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm.

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa⁽⁹⁾.

2.3.3. *Đổi mới nhận thức về doanh nghiệp nhà nước*

Trước đây, với nhận thức giản đơn, coi sở hữu nhà nước đồng nghĩa với chủ nghĩa xã hội, Việt Nam cũng như nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác đã chủ trương xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa gồm hai thành phần chủ yếu là: kinh tế nhà nước với lực lượng chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước và kinh tế tập thể với lực lượng chủ yếu là các hợp tác xã. Kinh tế tư nhân bị xóa bỏ hầu như hoàn toàn trong hầu hết các ngành sản xuất vật chất của nền kinh tế quốc dân; kinh tế cá thể chỉ được hoạt động riêng lẻ trong nông nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ.

Với nhận thức và cách làm như vậy, doanh nghiệp nhà nước chiếm vị trí độc tôn, được Nhà nước trực tiếp phân bổ các nguồn lực và kiểm soát tất cả các khâu

hoạt động kinh tế nên không chú trọng đến chỉ tiêu, hiệu quả, càng không cần phải cạnh tranh thị trường và do vậy, cũng không cần quan tâm đến năng suất, chất lượng sản phẩm. Chính vì vậy, tình trạng sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả đã kéo dài và phổ biến không chỉ trong doanh nghiệp nhà nước, mà còn ở cả hầu hết các hợp tác xã, đã dẫn đến khủng hoảng trầm trọng của nền kinh tế vào những năm 80 của thế kỷ XX.

Từ Đại hội VI và tiếp theo là các Đại hội VII, VIII, IX, X, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thừa nhận sự tồn tại khách quan, lâu dài của nhiều thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế khác nhau như vậy, nhận thức về vai trò của doanh nghiệp nhà nước cũng được đổi mới một cách căn bản mà theo đó, kinh tế quốc doanh không nhất thiết tham gia và chiếm tỷ trọng lớn trong tất cả các lĩnh vực kinh tế; những lĩnh vực nào mà các thành phần kinh tế khác có thể làm tốt, có lợi cho nền kinh tế đều được tạo điều kiện cho tham gia và phát triển.

Từ đổi mới nhận thức này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách quản lý mới với khu vực doanh nghiệp nhà nước. Đại hội IX, X và Hội nghị Trung ương 6 khóa X đã quyết định chuyển tất cả các hoạt động kinh tế của doanh nghiệp nhà nước từ hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp sang hoạt động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự

(9) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa X. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.68, 69.

đổi mới quan trọng ở đây là phân biệt rõ quyền sở hữu nhà nước về tài sản có tại các doanh nghiệp và quyền sử dụng tài sản đó để hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp. Sự phân biệt này có những nội dung cụ thể như sau:

- *Một là*, tách bạch vai trò của Nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lý toàn bộ nền kinh tế - xã hội với vai trò chủ sở hữu tài sản của Nhà nước.

- *Hai là*, tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.

- *Ba là*, thu hẹp và tiến tới xóa bỏ chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước của các bộ, ủy ban nhân dân đối với tài sản, vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có tài sản, vốn nhà nước.

- *Bốn là*, tiếp tục đổi mới, củng cố và phát huy vai trò của mô hình công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước”(10).

Hiện nay, doanh nghiệp nhà nước, mặc dù đã có nhiều đổi mới và phát triển, nhưng cũng còn nhiều hạn chế. Vì vậy, việc tiếp tục đổi mới doanh nghiệp nhà nước vẫn là nhiệm vụ cấp bách và cũng là nhiệm vụ chiến lược lâu dài trong công cuộc đổi mới ở nước ta.

2.3.4. *Đổi mới về nguyên tắc phân phối*

Trước đây, nhận thức về phân phối trong chủ nghĩa xã hội có phần giản đơn, tưởng rằng chế độ phân phối càng đồng nhất càng tốt và đã đem đồng nhất công bằng xã hội với chủ nghĩa bình quân, lẫn lộn giữa thu nhập theo lao động và phúc lợi xã hội, thành kiến với thu nhập cao, bất kể nguồn thu nhập đó do lao động hay không do lao động, có khi đồng nhất cả hai nguồn thu nhập đó với nhau và đều cho là xấu.

Kể từ khi thực hiện đường lối đổi mới, việc phân phối bình quân và việc phân

phối theo lao động như quan niệm trước đây trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội đã được thừa nhận là một sai lầm. Từ Đại hội VI và tiếp theo là các Đại hội VII, VIII, IX và X, sai lầm trên về phân phối đã được đổi mới và hoàn thiện dần qua các kỳ Đại hội.

Đại hội VI - Đại hội mở đầu cho thời kỳ đổi mới, đã khẳng định phải thực hiện công bằng xã hội và điều đó đã được thể hiện trong nguyên tắc phân phối: “Bảo đảm cho người lao động có thu nhập thỏa đáng phụ thuộc trực tiếp vào kết quả lao động, có tác dụng khuyến khích nhiệt tình lao động”; “áp dụng các hình thức trả lương gắn chặt với kết quả lao động và hiệu quả kinh tế”(11). Nói cách khác, Đại hội VI đã khẳng định phải thực hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động.

Đại hội VII đã mở rộng nội dung của nguyên tắc phân phối theo lao động: “Thực hiện nhiều hình thức phân phối; lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu”; lấy phân phối theo lao động làm hình thức chính, khuyến khích làm giàu đi đôi với giảm nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, “có chính sách bảo trợ và điều tiết thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng”(12); “phân phối theo lao động là chủ yếu, khuyến khích và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; đồng thời phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất,

(10) Ban Tuyên giáo Trung ương. *Tài liệu nghiên cứu các nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, khóa X*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.74-75.

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 88, 72.

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.10, 14.

kinh doanh”(13).’ Đây là lần đầu tiên, ngoài phân phối theo lao động là chính, việc phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất kinh doanh được chính thức thừa nhận và coi đó là một sự phân phối hợp pháp, hợp lý trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội VIII khẳng định: “Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối dựa trên mức đóng góp các nguồn lực khác vào kết quả sản xuất, kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội, đi đôi với chính sách điều tiết hợp lý, bảo hộ quyền lợi của người lao động”(14). Ở đây, việc phân phối theo nguồn vốn đóng góp vào sản xuất, kinh doanh không được nhắc tới, nhưng lại nói tới “các nguồn lực khác”. Trong số “các nguồn lực khác” ấy, có “nguồn vốn” nhưng cách diễn đạt này không rõ ràng và dứt khoát như trong văn kiện Đại hội VII.

Đại hội IX đã bổ sung: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế; đồng thời phân phối theo mức đóng góp các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội”(15). Đây là một bước tiến mới so với các nguyên tắc phân phối được nêu trong Văn kiện các Đại hội VI, VII và VIII, bởi nó đã đề cập đến tính đặc thù của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội – thời kỳ còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế.

Đại hội X và cho tới hiện nay đã khẳng định và hoàn thiện nguyên tắc phân phối đã được nêu qua các kỳ Đại hội VI, VII, VIII, IX và coi đó là nguyên tắc phân phối của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nội dung: Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn

cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp, đi đôi với xóa đói, giảm nghèo. Nguyên tắc phân phối này nhằm, *một mặt*, thực hiện công bằng xã hội và khuyến khích mọi người làm giàu; *mặt khác*, giúp kiềm chế sự gia tăng bất bình đẳng xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ngoài những đổi mới, sáng tạo lý luận đó, chúng ta còn có thể kể đến những đổi mới, sáng tạo lý luận khác, như lợi ích và động lực lợi ích; chính sách mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế; tiến hành công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức; cải cách nông nghiệp, nông thôn, nông dân; mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; dân chủ và phát huy dân chủ;...

Có thể nói, tất cả những đổi mới, sáng tạo lý luận đó về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã trở thành cơ sở, nền tảng lý luận cho toàn bộ công cuộc đổi mới nói chung, đổi mới thể chế kinh tế của Việt Nam nói riêng trong thời gian vừa qua và hiện, vẫn đang được tiếp tục đổi mới và hoàn thiện.

3. Thực tiễn quá trình đổi mới thể chế kinh tế

Để thực hiện và phát triển có hiệu quả nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong suốt hơn 20 năm qua, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đã xây dựng và tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế nhằm thực hiện nhất

(13) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*. Hà Nội, 1994, tr.47.

(14) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.113, 114.

(15) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.88.

quản chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần và tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế này cùng phát triển. Quá trình xây dựng hệ thống thể chế đó có thể khái quát ở những nội dung cơ bản sau đây:

3.1. Về tiến trình đổi mới hệ thống thể chế kinh tế

Có thể khái quát tiến trình đổi mới hệ thống thể chế kinh tế qua các giai đoạn chính như sau:

- *Giai đoạn 1979 – 1981*: Năm 1979, Nghị quyết về lưu thông phân phối của Hội nghị Trung ương 6 khóa IV đã mở đường cho việc áp dụng cơ chế “kế hoạch 3 phần”, cho phép doanh nghiệp nhà nước bán sản phẩm vượt kế hoạch pháp lệnh ra thị trường tự do. Năm 1981, chính sách khoán 100 trong nông nghiệp với nội dung khoán sản phẩm theo công việc và được bán sản phẩm vượt khoán trên thị trường tự do đã được ban hành và thực hiện.

Đây là hai điểm đột phá thị trường đầu tiên ở hai lĩnh vực kinh tế chủ chốt, tạo động lực phát triển cho doanh nghiệp, tập thể và người lao động.

- *Giai đoạn 1985 - 1987*: Trong giai đoạn này, chúng ta đã thay đổi nguyên tắc hoạt động của các chủ thể hoạt động trong hai lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế là công nghiệp và nông nghiệp; đồng thời xây dựng cơ chế hoạt động để thực hiện nguyên tắc hoạt động mới giữa các chủ thể kinh tế thông qua thị trường nhờ áp dụng chính sách mới về giá, lương, tiền.

Có thể nói, hai thay đổi này đã “cởi trói” cho các cá nhân và tập thể, song đó mới chỉ là thay đổi ở cấp vĩ mô. Đại hội VI (12 – 1986) đã công bố chủ trương thực hiện đổi mới toàn diện về kinh tế - xã hội với nội dung kinh tế cốt lõi là thay đổi cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu,

bao cấp bằng cơ chế thị trường và trong khuôn khổ mở cửa với nền kinh tế thế giới, thừa nhận sự tồn tại khách quan của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Song, trong các năm 1986 – 1987, do chủ trương đổi mới chưa được cụ thể hóa, nên đường lối đổi mới chưa chuyển thành quá trình đổi mới trên thực tiễn.

- *Giai đoạn 1988 – 1996*: Từ 1988 – 1989 là giai đoạn đột phá thị trường mạnh, toàn diện và căn bản ở khâu trung tâm của hệ thống (giá cả). Hệ thống giá cả chuyển sang vận động theo nguyên tắc thị trường một cách thống nhất, đồng bộ. Đây cũng chính là quá trình đổi mới trên thực tiễn với nội dung kinh tế là chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường – mở cửa.

Từ 1990 – 1996 là giai đoạn chuyển mạnh nền kinh tế sang cơ chế thị trường – mở cửa. Điểm đột phá trong giai đoạn này là khẳng định chủ trương và thực hiện “phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa..., hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước”(16).

- *Giai đoạn 1997 – 2001*: Đây là giai đoạn mà do chịu nhiều tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ trong khu vực, tốc độ tăng trưởng kinh tế bị suy giảm kéo dài. Các yếu tố của cơ chế cũ, như bao cấp, độc quyền, xin – cho và bảo hộ trỗi dậy, quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và việc cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng tự do hóa và hội nhập quốc tế diễn ra một cách chậm chạp.

Năm 2000, với việc áp dụng luật doanh nghiệp, chúng ta đã tạo ra động

(16) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.11,12.

lực phát triển mạnh của khu vực kinh tế tư nhân. Năm 2001, chúng ta ký kết Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ; đồng thời xác định vai trò động lực của chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế. Đại hội IX đã khẳng định đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- *Giai đoạn 2002 – đến nay*: Đây là giai đoạn chúng ta tiếp tục khẳng định mô hình kinh tế tổng quát và xác định nhiệm vụ hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3.2. Thực tiễn quá trình đổi mới hình thức thể chế pháp lý

3.2.1. Xây dựng đồng bộ các thể chế, môi trường pháp lý đảm bảo chuyển đổi hiệu quả nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường

Trong hơn 20 năm qua, Việt Nam đã ban hành Hiến pháp năm 1992, sau đó tiếp tục có những sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với xu thế của quá trình đổi mới, như Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25/12/2001 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992; Nghị quyết số 287/2002/NQ - UBTVQH10 ngày 29/01/2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định việc thi hành một số điều của Nghị quyết về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 và các cơ quan nhà nước đã ban hành hàng nghìn văn bản, pháp luật.

Trong giai đoạn này, về cơ bản, Nhà nước Việt Nam đã xây dựng được một khung pháp luật mới trên mọi lĩnh vực và là cơ sở pháp lý cho sự ra đời và vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhìn chung, khung pháp

luật Việt Nam đã bao trùm hầu hết các yếu tố cơ bản cho việc hình thành cơ chế kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Quyền sở hữu, đặc biệt là sở hữu tư nhân, cũng như địa vị pháp lý của các doanh nghiệp, doanh nhân ngày càng được khẳng định rõ trong các văn bản pháp luật, như Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (đến nay đã được thay thế bằng Luật đầu tư); Luật công ty (đến nay đã được thay thế bằng Luật doanh nghiệp); Luật doanh nghiệp nhà nước; Luật dân sự; Luật đất đai; Pháp luật Hợp đồng kinh tế; Luật đấu thầu... Để tạo điều kiện cho nền kinh tế thị trường vận hành, khung pháp luật đã được cải cách chủ yếu hướng tới xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Không chỉ thế, khung pháp luật này còn hướng tới việc tạo lập một sân chơi bình đẳng hơn cho mọi chủ thể thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Chính tại sân chơi bình đẳng này, sân chơi được thực hiện thông qua các quy chế, luật, các pháp lệnh, nghị định về cho vay vốn, cấp và cho thuê mặt bằng sản xuất, thuế, ưu tiên xuất nhập khẩu, bảo lãnh, thuê mướn lao động, luật bảo hiểm xã hội, chế độ đấu thầu..., rào cản kinh doanh, đặc biệt là ở lĩnh vực xuất nhập khẩu đã được giảm thiểu, khả năng tiếp cận tới các nguồn lực của những doanh nghiệp ngoài quốc doanh đã được gia tăng.

3.2.2. Tạo lập các thiết chế hỗ trợ thị trường và giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình cải cách kinh tế, đảm bảo phát triển kinh tế bền vững

Về cơ bản, qua hơn 20 năm đổi mới, Việt Nam đã thiết lập được cơ chế, chính

sách hỗ trợ thị trường, giải quyết những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và đảm bảo tăng trưởng bền vững, như bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, phân phối thu nhập, xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, công bằng xã hội, phát triển con người...

3.2.3. Các cơ quan, tổ chức thực hiện pháp luật (bộ máy nhà nước)

Với tư cách cơ quan hành chính cao nhất, Chính phủ Việt Nam đã thể hiện ngày càng rõ tính chủ động, độc lập tương đối trong việc thực thi quyền hành pháp. Chính phủ, các Bộ và cơ quan hành chính địa phương đã có sự đổi mới quan trọng về chức năng, trách nhiệm cho phù hợp với xu hướng cải cách thị trường và hội nhập quốc tế. Điều này được thể hiện cụ thể như sau:

Một là, vai trò, chức năng quản lý vĩ mô của Chính phủ và các cơ quan thuộc Chính phủ ngày càng được phân định rõ, phù hợp với tiến trình cải cách kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Hai là, tách bạch quản lý hành chính, quản lý nhà nước với hoạt động quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp.

Ba là, Chính phủ và các cơ quan hành chính tập trung thực hiện chức năng quản lý nhà nước, chuyển từ việc quản lý trực tiếp các hoạt động sản xuất, kinh doanh sang quản lý gián tiếp bằng pháp luật và các công cụ điều tiết vĩ mô.

Bốn là, cơ cấu bộ máy Chính phủ được sắp xếp lại gọn hơn.

Năm là, cải cách hệ thống cơ quan tư pháp cho phù hợp hơn với tình hình đổi mới của đất nước.

Để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hình thức thể chế kinh tế, Hội nghị

Trung ương 6 khóa X (01- 2008) đã ra Nghị quyết về “Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Nghị quyết này bao gồm các nội dung cơ bản, như đánh giá tình hình chuyển đổi cơ chế kinh tế và xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hơn 20 năm qua; mục tiêu và quan điểm của việc hoàn thiện thể chế kinh tế; chủ trương và giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để tiếp tục thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết đã đưa ra 5 giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa⁽¹⁷⁾.

Từ những nội dung trình bày trên, có thể nói, thực tiễn và sáng tạo đổi mới thể chế kinh tế Việt Nam là thành quả của cả quá trình tiếp thu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào tình hình lịch sử - cụ thể của đất nước trên cơ sở học tập kinh nghiệm đổi mới, cải cách của các nước một cách có chọn lọc. Đây cũng là một trong những thành tựu nổi bật nhất của sự nghiệp đổi mới của Việt Nam. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang tiếp tục đổi mới và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa để nhanh chóng xây dựng và phát triển có hiệu quả nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. □

(17) Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.139-158.